

**KẾ HOẠCH BAY NGÀY 28/05/2026**

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK21+P6	7:25	4+18	0+0		3+19	0+0	
2		PVD8+SAVR	7:25	5+14	0+0		5+16	0+0	chuyen 1 Pvd8-savr
3		PVD8+TD3	7:25	20+0	0+0		18+4	0+0	
4		PBDA+P8+TTC2	9:25	4+13+5	0+0+0		1+16+5	0+0+0	
5		BK15+BK10+CTK3	9:25	12+4+5	0+0+0		8+5+8	0+0+0	
6		SAVR+PBDA+CLO	9:25	18+0+0	0+0+0		13+5+2	0+0+0	chuyen 1 savr-pbda
7		P8+TTC3+TTC1	11:25	12+4+6	0+0+0		11+5+6	0+0+0	
8		RC8+RP1+PPD	11:25	3+17+0	0+0+0		0+17+5	0+0+0	
9		BK19-TD1+P6	11:25	4+9+6	0+0+0		6+2+13	0+0+0	CHUYEN 1 BK19-TD1

TTBDSX



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
B.CARD: XANH -1	TO: BK21 - P6	CREW: TUYỀN - NPHÚ - VŨ	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 1		VNHS FLIGHT: TM26/2324	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	PHAN ĐĂNG TUẤN	BK21	78-79	2	7			72	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐÌNH QUANG	BK21	76-77	2	15			64	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐẶNG QUỐC VIỆN	BK21	80	1	6			76	KH-THAC	Vietnamese
4	NGÔ VĂN CHUNG	BK21	75	1	13			77	KH-THAC	Vietnamese
5	DUƠNG CHI TUYỀN	P6						71	KH-THAC	Vietnamese
6	VĂN MINH TÂN	P6	71	1	8			66	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM VĂN ĐOÀ	P6	35	1	6			54	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN MINH QUÂN	P6	73	1	13			81	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐÌNH TUẤN	P6	08	1	12			59	KH-THAC	Vietnamese
10	HOANG TUẤN	P6	37	1	4			67	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN HỮU TOÀN	P6	05	1	3			73	KH-THAC	Vietnamese
12	MAI MẠNH KHÁNH CƯỜNG	P6	06	1	9	2	21	77	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ ANH TÙNG	P6	32	1	5			75	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN QUỐC KHÁNH	P6	38,70	2	10			85	YTE	Vietnamese
15	NGUYỄN DUY KHÁNH	P6	31	1	6			90	PSV	Vietnamese
16	BUI THANH LONG	P6	30	1	9			84	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN MINH TUẤN	P6	07	1	3			61	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN HUY THÔNG	P6	33	1	3			79	KH-THAC	Vietnamese
19	HỒ NGUYỄN KHÁNH DUY	P6	09	1	7			56	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN PHỤ	P6	34	1	3			81	KH-THAC	Vietnamese
21	CAO MINH HOÀNG	P6	36	1	7			77	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK21	4	289	6	41	0	0	3		
2	P6	17	1.236	17	108	2	21	19		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>1.525</b>	<b>23</b>	<b>149</b>	<b>2</b>	<b>21</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.525</b>		<b>149</b>		<b>21</b>			

GRAND TOAL: 1.695 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ ÁNH

CREW

NGUYỄN DUY TUYỀN

ĐÀO NGỌC PHÚ



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: PVD8 - SAVR	CREW: VIỆT - M.ĐỨC - TÚ	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 2	VNHS FLIGHT: TM26/2327		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	LY BANG	PVD8	32	1	3			81	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐẠO ĐÌNH HUY	PVD8	31	1	8			83	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ TRỌNG LINH	PVD8	30	1	9			73	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN THỤ	PVD8	27	1	14			65	DVL	Vietnamese
5	HỒ SỸ CƯỜNG	SAVR	31-33	3	19	2	18	82	PVD LOGG	Vietnamese
6	VÕ HOÀNG LONG	SAVR	21	1	14			105	DMC-MI	Vietnamese
7	HỒ XUÂN TUYẾN	SAVR	42	1	6			75	KHOAN	Vietnamese
8	ĐỖ HOÀI NAM	SAVR	22	1	8			65	KHOAN	Vietnamese
9	PHẠM XUÂN VINH PHÚC	SAVR	36	1	9			71	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ ANH VŨ	SAVR	40-41	2	10			75	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN BA HÙNG	SAVR	43	1	9	3	41	85	DVL	Vietnamese
12	MILYUKOV ALEXANDER	SAVR	29-30	2	13			79	AMHP	Russian
13	NGUYỄN VĂN TIẾN (12941)	SAVR	37-39	3	13			72	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN ĐƯƠNG	SAVR	34-35	2	16			69	KH-THAC	Vietnamese
15	MOLCHANOV ANTON	SAVR	27-28	2	15			91	AMHP	Russian
16	TARATONOV IURII	SAVR	24-25	2	18			83	AMHP	Russian
17	ALMAEV RAMIL	SAVR	23	1	13			92	AMHP	Russian
18	KOMISARENKO ALEKSANDR	SAVR	26	1	16			115	AMHP	Russian

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PVD8	4	302	4	34	0	0	5		CHUYEN 1 PAX PVD8-SAVR
2	SAVR	14	1.159	23	179	5	59	16		
<b>TOTAL</b>		<b>18</b>	<b>1.461</b>	<b>27</b>	<b>213</b>	<b>5</b>	<b>59</b>	<b>21</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.461</b>		<b>213</b>		<b>59</b>			

GRAND TOAL: 1.733 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT

NGUYỄN MINH ĐỨC



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:40
B.CARD: NÂU-1	TO: PVD8 - TD3	CREW: VTHU - ĐỨC - TDUNG	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 3		VNHS FLIGHT: TM26/2330	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	LUU VAN TUAN	PVD8	07	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese
2	TONG TRUNG HUY	PVD8	03	1	5			77	KH-THAC	Vietnamese
3	LE VIET TRUONG	PVD8	98	1	8			69	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN TRUNG KIEN	PVD8						71	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAM XUAN HOANG	PVD8	14-15	2	10			91	KH-THAC	Vietnamese
6	BUI MINH HAI	PVD8	11	1	5			65	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAM VAN THUY	PVD8	02	1	5			62	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐANG HAI HA	PVD8	16	1	4			78	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN VAN QUANG	PVD8	13	1	4			71	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VAN TIEN	PVD8	08-09	2	7			68	KH-THAC	Vietnamese
11	TRAN QUANG PHUOC	PVD8	10	1	5			77	KH-THAC	Vietnamese
12	VUONG KIEN QUOC	PVD8	95	1	9			77	DVL	Vietnamese
13	HOANG BA THANG	PVD8	96	1	16			63	DVL	Vietnamese
14	LUU BA XO	PVD8	93-94	2	16			82	DVL	Vietnamese
15	MANH TRUONG KHOA	PVD8	99-100	2	11			82	YTE	Vietnamese
16	NGUYEN XUAN QUANG	PVD8	04-06	3	16			72	CODIEN	Vietnamese
17	TRAN KHANH DUY	PVD8	91	1	5			72	GETRACO	Vietnamese
18	PHAM MANH QUYNH	PVD8	92	1	7			111	GETRACO	Vietnamese
19	NGUYEN VAN CONG	PVD8	97	1	9			74	GETRACO	Vietnamese
20	HUYNH TAN QUOC	PVD8	12	1	4			67	NHATHAU	Vietnamese
21	VU VAN CUONG	PVD8	17-18	2	11			90	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PVD8	21	1.586	27	162	0	0	18		
2	TD3	0	0	0	0	0	0	4		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>1.586</b>	<b>27</b>	<b>162</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.586</b>		<b>162</b>		<b>0</b>			

GRAND TOAL: 1.748 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

HOÀNG THỊ THỦY

CREW

Phan Văn Thu   
 Tuấn Công



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
B.CARD: CAM-2	TO:PBDA - P8 - TTC2	CREW: TUYỀN - NPHÚ - VŨ	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 4		VNHS FLIGHT: TM26/2325	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYEN THAI DAN	PBDA	03-04	2	9			79	MINH MINH	Vietnamese
2	CHUSH MAKSIM	PBDA	26	1	13			106	KHOAN	Russian
3	SIRAEV ILNUR	PBDA	06-07	2	8			78	AMHGP	Russian
4	DOBRYNIN PAVEL	PBDA	05	1	11			108	AMHGP	Russian
5	ĐINH QUANG TRUNG	P8	36	1	5	2	30	73	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ HOANG LONG	P8	30	1	5			76	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN ANH TRI	P8	28-29	2	11			59	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN TỬ THĂNG	P8	25	1	3			61	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN HỮU DŨNG	P8	27	1	8			53	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN BA ĐẠT	P8	34	1	7			75	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM THỂ CHINH	P8	35	1	11			59	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ XUÂN TRUNG	P8	24	1	5			88	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN XUÂN NHAN	P8	33	1	6			73	YTE	Vietnamese
14	LÊ HỮU HUNG	P8	26	1	12			76	KHOAN	Vietnamese
15	NGÔ VĂN ĐƠN	P8	31	1	7			63	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN KHANH DUY	P8						81	KH-THAC	Vietnamese
17	VŨ DUY TRƯỜNG	P8	32	1	6			75	KH-THAC	Vietnamese
18	LE ĐỨC THĂNG	TTC2	95	1	7			79	KH-THAC	Vietnamese
19	HOANG VAN THUC	TTC2	93	1	7			51	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN TRUONG AN	TTC2	94	1	10			85	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN TUAN MINH	TTC2	96	1	12			77	KH-THAC	Vietnamese
22	VŨ NGỌC HÙNG	TTC2	92	1	8			59	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PBDA	4	371	6	41	0	0	1		
2	P8	13	912	13	86	2	30	16		
3	TTC2	5	351	5	44	0	0	5		
TOTAL		22	1.634	24	171	2	30	22		
WEIGHT KG			1.634		171		30			

GRAND TOAL: 1.835 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

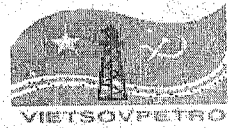
VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

NGUYỄN DUY TUYỀN  
ĐÀO NGỌC PHŨ



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:55
B.CARD: VÀNG-2	TO: BK15 - BK10 - CTK3	CREW: VIỆT - M.ĐỨC - TÚ	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 5	VNHS FLIGHT: TM26/2328		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYỄN QUỐC HAI	BK15	61-62	2	12			67	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN HỮU LUẬN	BK15	76-77	2	15			67	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐÌNH THĂNG	BK15	65	1	7	2	25	69	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN TRỌNG BẠCH	BK15	69-70	2	11			64	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐỨC TÙNG	BK15	63	1	3			57	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN HOÀNG KHA	BK15	66	1	8			76	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ CÔNG NAM	BK15	73	1	12			69	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN ĐỨC SƠN	BK15	67-68	2	13			73	KH-THAC	Vietnamese
9	YUKHIMCHUCK A.G	BK15	72	1	11			84	KH-THAC	Russian
10	NGUYỄN GIA CƯỜNG	BK15	64	1	12			72	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ MINH TÙNG	BK15	71	1	13			70	KH-THAC	Vietnamese
12	KIỀU MINH QUYẾT	BK15	74	1	5			64	PSV	Vietnamese
13	LÊ VĂN HUY	BK15	75	1	7			64	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐỨC BÌNH	BK10	86	1	8			73	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN THAI BÌNH	BK10	85	1	6			70	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN QUANG TRUNG	BK10	88	1	13	1	18	67	XAYLAP	Vietnamese
17	CAO MINH CƯỜNG	BK10	87	1	13	2	40	87	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN KIM NIÊN	CTK3	66	1	4			58	PSV	Vietnamese
19	HOÀNG VĂN BÁC	CTK3						65	PSV	Vietnamese
20	PHAN CÔNG SÂM	CTK3	65	1	3	2	40	66	PSV	Vietnamese
21	TRẦN VĂN TIẾN	CTK3	64	1	5			63	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN MAI SƠN	CTK3						75	SAN BAY	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK15	13	896	17	129	2	25	8		
2	BK10	4	297	4	40	3	58	5		
3	CTK3	5	327	3	12	2	40	8		TNB vé: TRẦN XUÂN PHÚC
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.520</b>	<b>24</b>	<b>181</b>	<b>7</b>	<b>123</b>	<b>21</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.520</b>		<b>181</b>		<b>123</b>			

GRAND TOTAL: 1.824 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

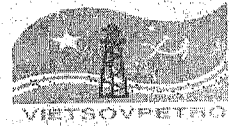
LẠI HỒNG DIỆP

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT   
 NGUYỄN MINH ĐỨC



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 10:00
B.CARD: TRANG-2	TO:SAVR- PBDA - CLO	CREW: LINH - N.CUONG - HUY	ETA: 11:50
VSP FLIGHT: 6		VNHS FLIGHT: TM26/2331	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	POMAZANSKII IVAN	SAVR	54-55	2	20			73	AMHGP	Russian
2	GUSHCHIN SEMEN	SAVR	56	1	14			65	AMHGP	Russian
3	MOZHEGOROV PETR	SAVR	67	1	7			64	AMHGP	Russian
4	KOLTSOV ALEKSANDR	SAVR	64-65	2	8			86	AMHGP	Russian
5	SHARSHUN ALEKSANDR	SAVR	61	1	4			86	AMHGP	Russian
6	GUZ MAKSIM	SAVR	57-58	2	10			80	AMHGP	Russian
7	DOROKHOV DMITRII	SAVR	52	1	12			78	AMHGP	Russian
8	NAGORNOV ILIA	SAVR	59-60	2	17			103	AMHGP	Russian
9	SVINAREV VIACHESLAV	SAVR	66	1	12			106	AMHGP	Russian
10	LOSEV ALEKSEI	SAVR	49	1	10			92	AMHGP	Russian
11	MUSIN ALEKSEI	SAVR	53	1	7			88	AMHGP	Russian
12	BUSTAEV FARKHAT	SAVR	50-51	2	14			90	AMHGP	Russian
13	TRAN ANH TUAN	SAVR	70	1	4			62	AMHGP	Vietnamese
14	DUONG VU THANG	SAVR	63	1	5			70	AMHGP	Vietnamese
15	NGUYEN VAN NGHE	SAVR	62	1	6			72	AMHGP	Vietnamese
16	NGUYEN VAN DAN	SAVR	69	1	6			65	KH-THAC	Vietnamese
17	MAI HUY TU	SAVR	68	1	11			59	DVL	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	SAVR	17	1.339	22	167	0	0	13		CHUYEN T SAVR-PBDA
2	PBDA	0	0	0	0	0	0	6		
3	CLO	0	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		17	1.339	22	167	0	0	21		
WEIGHT KG			1.339		167		0			

GRAND TOAL: 1.506 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

VŨ THỊ ANH

CREW

NGÔ VĂN LINH  
PHAN NHƯ CƯƠNG



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
B.CARD: XANH-3	TO: P8 - TTC3 - TTC1	CREW: DUONG - SON - DTUNG	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 7	VNHS FLIGHT: TM26/2326		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	HỒ CHÈ LINH	P8	46	1	4			69	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN CÔNG TÍNH	P8	59	1	4			64	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN LỢI	P8	50	1	3			67	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM VŨ NHẬT QUANG	P8	61	1	16			78	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VIỆT HOÀ	P8	91	1	6			63	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN NAM HUY	P8	47-48	2	16			77	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN VŨ HUNG	P8	90,500	2	14			67	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN TIỀN VŨ	P8	49	1	9			64	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN XUÂN PHU	P8						58	PSV	Vietnamese
10	LÊ VĂN TÂN	P8	60	1	3			65	KH-THAC	Vietnamese
11	BẠCH ANH TUẤN	TTC3	32-33	2	15			66	KH-THAC	Vietnamese
12	TÔ TIỀN DŨNG	TTC3	28	1	5			78	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN NGỌC XUÂN	TTC3	34	1	6	3	55	58	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN HUYNH	TTC3	29	1	7			74	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN THANH VINH	TTC3	30	1	8			81	KH-THAC	Vietnamese
16	HOANG NGOC ANH CHIEN	TTC3	31	1	9			69	KH-THAC	Vietnamese
17	PHÙNG HÀ TÀI	TTC1	17	1	4	1	11	107	KH-THAC	Vietnamese
18	VŨ XUÂN QUÝ	TTC1	12	1	8			102	KH-THAC	Vietnamese
19	VŨ HUNG TUẤN	TTC1	13	1	6			70	KH-THAC	Vietnamese
20	HOANG TRỌNG PHUC	TTC1	15-16	2	16			70	KH-THAC	Vietnamese
21	DẶNG LONG HAI	TTC1	14	1	6			91	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN HUNG	TTC1	11	1	6			75	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P8	10	672	11	75	0	0	9		
2	TTC3	6	426	7	50	3	55	5		
3	TTC1	6	515	7	46	1	11	6		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.613</b>	<b>25</b>	<b>171</b>	<b>4</b>	<b>66</b>	<b>20</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.613</b>		<b>171</b>		<b>66</b>			

GRAND TOAL: 1.850 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ ÁNH

CREW

BÙI HOÀNG DUONG  
PHẠM THÁI SON





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:15
B.CARD: CAM-3	TO: RC8 - RP1 - PPD	CREW: QVIỆT - HTRUNG - MQUÂN	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 8	VNHS FLIGHT: TM26/2329		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	TRẦN ĐÌNH ĐẠI	RC8	53	1	5			74	D-HANH	Vietnamese
2	TRẦN LÊ QUỐC BAO	RC8	51-52	2	10			73	XAYLAP	Vietnamese
3	QUÁCH THANH ĐỘ	RC8	54-55	2	18			65	NHATHAU	Vietnamese
4	NGUYỄN NGỌC QUANG	RP1	81	1	15	1	9	74	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN QUỐC CƯỜNG	RP1	72-73	2	16			73	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	RP1	100	1	12			79	XAYLAP	Vietnamese
7	LÊ NHƯ HUÂN	RP1	91-92	2	15			77	XAYLAP	Vietnamese
8	BÙI VĂN TUẤN	RP1	88	1	14			84	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN HỮU TOÀN	RP1	86	1	10	1	10	55	XAYLAP	Vietnamese
10	MAI CÔNG HUÂN	RP1	93-94	2	15			69	XAYLAP	Vietnamese
11	LƯƠNG ĐỨC DÂN	RP1	96	1	9	1	14	68	XAYLAP	Vietnamese
12	HỒ NGUYỄN HẬU	RP1	98	1	10	1	13	64	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN PHÚC HIẾN	RP1	79	1	9	1	11	88	XAYLAP	Vietnamese
14	VŨ VĂN TOÀN	RP1	76-77	2	16			69	XAYLAP	Vietnamese
15	HOANG VĂN THANH	RP1	84-85	2	15			62	XAYLAP	Vietnamese
16	LÊ VIỆT ANH ĐỨC	RP1	78	1	12			79	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐỨC MINH	RP1	74-75	2	10			74	XAYLAP	Vietnamese
18	TRẦN MINH HOANG	RP1	95	1	11			65	XAYLAP	Vietnamese
19	MAI VĂN MINH	RP1	83	1	13			71	XAYLAP	Vietnamese
20	PHẠM HỒNG VŨ	RP1	89-90	2	14			49	XAYLAP	Vietnamese
21	NGÔ LAI THỊCH	RP1	70-71	2	17			90	XAYLAP	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RC8	3	212	5	33	0	0	0		
2	RP1	18	1.290	26	233	5	57	17		
3	PPD	0	0	0	0	0	0	5		
TOTAL		21	1.502	31	266	5	57	22		
WEIGHT KG			1.502		266		57			

GRAND TOAL: 1.825 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THỦY ANH

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT   
 NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:20
B.CARD: NÂU-3	TO: BK19-TD1-P6	CREW: LINH - N.CUONG - HUY	ETA: 14:10
VSP FLIGHT: 9		VNHS FLIGHT: TM26/2332	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYỄN DUƠNG HÒE	BK19	68	1	10	2	26	74	KH-THAC	Vietnamese
2	VŨ ĐỨC DŨNG	BK19	66	1	15	2	35	85	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ TRUNG TUẤN	BK19	67	1	14			74	KH-THAC	Vietnamese
4	MAI CAO ĐỊNH	BK19	65	1	5			63	PSV	Vietnamese
5	LƯƠNG TUẤN ANH	TD1	86-87	2	13			85	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ TŨ KHA	TD1	93-94	2	19			83	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN TUẤN ANH	TD1	95	1	14	2	30	82	XAYLAP	Vietnamese
8	VŨ HOÀNG TIẾN	TD1	83	1	16			79	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN ANH TIẾN	TD1	88	1	11			61	XAYLAP	Vietnamese
10	TRẦN QUỐC THIÊN	TD1	92	1	10			65	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN THANH NGÂN	TD1	89	1	10			67	XAYLAP	Vietnamese
12	LÊ ĐÌNH HẢI	TD1	90-91	2	12			60	XAYLAP	Vietnamese
13	PHẠM NGỌC NAM	TD1	84	1	11	1	15	71	XAYLAP	Vietnamese
14	PHẠM NGỌC AN	P6	84	1	5			69	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN TRƯỞNG	P6	83	1	5			66	PSV	Vietnamese
16	LÊ ĐỨC CƯỜNG	P6	80	1	7			56	PSV	Vietnamese
17	ĐỖ KHÁC ĐÀ	P6	81	1	6			65	PSV	Vietnamese
18	LÊ ĐÌNH HUÂN	P6	82	1	5			48	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAN ĐỨC NGUYỄN	P6	85	1	9	1	25	59	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK19	4	296	4	44	4	61	6	1	CHUYEN 1 BK19-TD1
2	TD1	9	653	12	116	3	45	2		
3	P6	6	363	6	37	1	25	13		
<b>TOTAL</b>		<b>19</b>	<b>1.312</b>	<b>22</b>	<b>197</b>	<b>8</b>	<b>131</b>	<b>21</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.312</b>		<b>197</b>		<b>131</b>			

GRAND TOAL: 1.640 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

HOÀNG THỊ THỦY

CREW

NGÔ VĂN LINH  
PHAN NHƯ CƯỜNG

Lưu VSP